

QUYẾT ĐỊNH

Công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường áp dụng tại UBND cấp xã trên địa bàn thành phố Huế

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 05/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực khai thác thủy sản;

Căn cứ Quyết định số 839/QĐ-BNNMT ngày 15 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hoá thủ tục hành chính lĩnh vực thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 2310/QĐ-BNNMT ngày 23 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính lĩnh vực thủy sản được sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 67/2025/QĐ-UBND ngày 06 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định phân cấp quản lý tàu cá có chiều dài lớn nhất dưới 12 mét hoạt động khai thác thủy sản tại vùng biển ven bờ, vùng nội địa trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành kèm theo Quyết định số 36/2023/QĐ-UBND ngày 27 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là UBND thành phố Huế).

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 4609/TTr-SNNMT ngày 15 tháng 8 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 04 thủ tục hành chính (TTHC) được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường áp dụng tại Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn thành phố Huế. (Có Danh mục và Nội dung cụ thể TTHC kèm theo)

Điều 2. Căn cứ vào Điều 1 của Quyết định này, giao trách nhiệm cho các cơ quan, đơn vị thực hiện các công việc sau:

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện cập nhật Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC theo đúng quy định, đồng bộ dữ liệu TTHC công bố từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC về Cơ sở dữ liệu TTHC thành phố Huế theo đúng quy định; trình Chủ tịch UBND thành phố phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết các TTHC, hoàn thành trước ngày 27/8/2025.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm:

- Niêm yết, công khai và triển khai giải quyết TTHC liên quan theo hướng dẫn tại các Quyết định số: 839/QĐ-BNNMT ngày 15 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hoá thủ tục hành chính lĩnh vực thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; 2310/QĐ-BNNMT ngày 23 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính lĩnh vực thủy sản được sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường và số 67/2025/QĐ-UBND ngày 06 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định phân cấp quản lý tàu cá có chiều dài lớn nhất dưới 12 mét hoạt động khai thác thủy sản tại vùng biển ven bờ, vùng nội địa trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành kèm theo Quyết định số 36/2023/QĐ-UBND ngày 27 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là UBND thành phố Huế) công khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (<https://dichvucong.gov.vn>) theo quy định.

- Hoàn thành việc cấu hình TTHC liên quan đến phần việc của mình trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC thành phố sau khi Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thay thế Quyết định số 2552/QĐ-UBND ngày 11/8/2025 của Chủ tịch UBND thành phố công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường áp dụng tại UBND cấp xã trên địa bàn thành phố Huế;

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục KSTTHC (Văn phòng Chính phủ);
- CT, các PCT UBND thành phố;
- Các PCVP UBND thành phố;
- Công TTĐT thành phố,
- TT PVHCC thành phố, cấp xã;
- Lưu: VT, KSKT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hoàng Hải Minh

PHẦN I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH VỰC THỦY SẢN THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP XÃ

(Kèm theo Quyết định số: 2715/QĐ-UBND ngày 26 tháng 8 năm 2025 của Chủ tịch UBND thành phố Huế)

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Nội dung sửa đổi, bổ sung
1.	Xóa đăng ký tàu cá (Đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất dưới 12 mét) 1.003681	03 ngày làm việc	<i>- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố.</i> <i>- Nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)</i>	Không quy định	<i>- Luật Thủy sản 18/2017/QH14 ngày 21/11/2017</i> <i>- Thông tư 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15-11-2018</i> <i>- Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18/01/2022</i> <i>- Quyết định số 839/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025 của của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hoá thủ tục hành chính lĩnh vực thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường</i> <i>- Quyết định số 67/2025/QĐ-UBND ngày 06/8/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Huế về việc Sửa đổi, bổ sung một số</i>	<i>- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.</i> <i>- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã</i>	<i>- Cơ quan/Người có thẩm quyền quyết định;</i> <i>- Cơ quan thực hiện;</i> <i>- Căn cứ pháp lý.</i>

					<i>điều của Quy định phân cấp quản lý tàu cá có chiều dài lớn nhất dưới 12 mét hoạt động khai thác thủy sản tại vùng biển ven bờ, vùng nội địa trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành kèm theo Quyết định số 36/2023/QĐ-UBND ngày 27/7/2023 của Ủyban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là thành phố Huế)</i>		
2	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá (Đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất dưới 12 mét) 1.003650	03 ngày làm việc		Chưa có văn bản quy định	- Luật Thủy sản 18/2017/QH14 ngày 21/11/2017 - Thông tư 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15-11-2018 - Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18/01/2022 - Thông tư số 05/2025/TT-BNNMT ngày 02/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực khai thác thủy sản. - Quyết định số 2310/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025 của của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã	- Cơ quan/Người có thẩm quyền quyết định; - Cơ quan thực hiện; - Căn cứ pháp lý.

					chính lĩnh vực thủy sản được sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường - Quyết định số 67/2025/QĐ-UBND ngày 06/8/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Huế về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định phân cấp quản lý tàu cá có chiều dài lớn nhất dưới 12 mét hoạt động khai thác thủy sản tại vùng biển ven bờ, vùng nội địa trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành kèm theo Quyết định số 36/2023/QĐ-UBND ngày 27/7/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là thành phố Huế)		
3	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tàu cá (Đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất dưới 12 mét) 1.003634	03 ngày làm việc	- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố. - Nộp trực tuyến trên Cổng	Chưa có văn bản quy định.	- Luật Thủy sản 18/2017/QH14 ngày 21/11/2017 - Thông tư 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15-11-2018 - Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18/01/2022 - Quyết định số 839/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã	- Cơ quan/Người có thẩm quyền quyết định; - Cơ quan thực hiện; - Căn cứ pháp lý.

			<i>Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)</i>		của của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hoá thủ tục hành chính lĩnh vực thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường - <i>Quyết định số 67/2025/QĐ-UBND ngày 06/8/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Huế về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định phân cấp quản lý tàu cá có chiều dài lớn nhất dưới 12 mét hoạt động khai thác thủy sản tại vùng biển ven bờ, vùng nội địa trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành kèm theo Quyết định số 36/2023/QĐ-UBND ngày 27/7/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là thành phố Huế)</i>		
Cấp, cấp lại giấy phép khai thác thủy sản (Đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất dưới 12 mét) 1.004359	- 06 ngày làm việc (đối với cấp mới),	- <i>Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã hoặc Trung tâm Phục vụ hành</i>	cấp mới 40.000 đồng/lần ; cấp lại 20.000 đồng/lần	- Luật Thủy sản 18/2017/QH14 ngày 21/11/2017 - Nghị định 26/2019/NĐ-CP ngày 08-03-2019 - Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024	- <i>Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.</i> - <i>Cơ quan trực tiếp thực hiện: Cơ quan chuyên môn</i>	-Cơ quan/Người có thẩm quyền quyết định; - Cơ quan thực hiện;	

		- 03 ngày làm việc (đối với cấp lại)	<i>chính công thành phố.</i> <i>- Nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia</i> <i>(https://dichvucong.gov.vn)</i>	- Thông tư số 94/2021/TT-BTC ngày 02/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính - Quyết định số 839/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025 của của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hoá thủ tục hành chính lĩnh vực thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường - Quyết định số 67/2025/QĐ-UBND ngày 06/8/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Huế về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định phân cấp quản lý tàu cá có chiều dài lớn nhất dưới 12 mét hoạt động khai thác thủy sản tại vùng biển ven bờ, vùng nội địa trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành kèm theo Quyết định số 36/2023/QĐ-UBND ngày 27/7/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là thành phố Huế)	<i>về nông nghiệp và môi trường cấp xã</i>	- Căn cứ pháp lý.
--	--	---	--	--	---	--------------------------

PHẦN II: NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Tên thủ tục: Xóa đăng ký tàu cá

Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ theo hướng dẫn và nộp hồ sơ tại bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố;

- Bước 2: Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ, đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ; yêu cầu bổ sung, hoàn thiện nếu hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ. Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố chuyển hồ sơ cho Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã giải quyết.

- Bước 3: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định, Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã cấp Giấy chứng nhận xóa đăng ký tàu cá theo Mẫu số 11.ĐKT Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18/01/2022; bàn giao Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá cũ đã cắt góc phía trên bên phải và hồ sơ đăng ký gốc của tàu cho chủ tàu. Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận xóa đăng ký tàu cá, cơ quan có thẩm quyền trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

- Bước 4: Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố trả kết quả tổ chức, cá nhân.

Giấy chứng nhận xóa đăng ký tàu cá được cấp 01 bản chính cho chủ tàu; Đối với tàu cá bị phá hủy, phá dỡ hoặc chìm đắm không thể trục vớt được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 72 Luật Thủy sản, chậm nhất 30 ngày kể từ ngày tàu cá bị phá hủy, phá dỡ hoặc chìm đắm, chủ tàu phải nộp lại bản chính Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá cho cơ quan nơi tàu cá đăng ký (trừ trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá bị mất); Cơ quan đăng ký tàu cá xóa tên tàu cá trong sổ đăng ký tàu cá quốc gia; Đối với tàu cá mất tích được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 72 Luật Thủy sản, cơ quan đăng ký tàu cá mất tích phải thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng. Chậm nhất 30 ngày, sau thời hạn 01 năm kể từ ngày có thông báo, chủ tàu có tàu cá mất tích phải nộp lại bản chính Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá cho cơ quan nơi tàu cá đăng ký (trừ trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá bị mất); Cơ quan đăng ký tàu cá xóa tên tàu cá trong sổ đăng ký tàu cá quốc gia.

Địa chỉ tiếp nhận và trả kết quả: Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố

Thời gian tiếp nhận và trả kết quả: Buổi sáng từ 8h00 đến 11h00, buổi chiều từ 13h30 đến 16h30 các ngày từ thứ Hai đến thứ Sáu và sáng thứ Bảy hàng tuần (trừ các ngày Lễ, ngày nghỉ theo quy định)

Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố.

- Nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (<https://dichvucong.gov.vn>)

Thành phần, số lượng hồ sơ: Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ, bao gồm:

a) Tờ khai xóa đăng ký tàu cá theo Mẫu số 10.ĐKT Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT;

b) Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá; trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá bị mất, chủ tàu phải khai báo và nêu rõ lý do.

Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định.

Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân đề nghị.

Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND cấp xã.

Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã.

Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận xóa đăng ký tàu cá

Phí, lệ phí (nếu có): Chưa có văn bản quy định.

Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Tờ khai xóa đăng ký tàu cá theo Mẫu số 10.ĐKT Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT.

Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

Khoản 1 Điều 72 Luật Thủy sản quy định:

1. Tàu cá bị xóa đăng ký thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- a) Tàu cá bị hủy, phá dỡ hoặc chìm đắm không thể trục vớt;
- b) Tàu cá bị mất tích sau 01 năm kể từ ngày thông báo chính thức trên phương tiện thông tin đại chúng;
- c) Tàu cá được xuất khẩu, bán, tặng cho, viện trợ;
- d) Theo đề nghị của chủ tàu cá.

Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Thủy sản năm 2017;
- Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về đăng kiểm viên tàu cá; công nhận cơ sở đăng kiểm tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật tàu cá, tàu kiểm ngư; đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản; xóa đăng ký tàu cá và đánh dấu tàu cá;
- Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực thủy sản;
- Quyết định số 839/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Quyết định số 67/2025/QĐ-UBND ngày 06/8/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định phân cấp quản lý tàu cá có chiều dài lớn nhất dưới 12 mét hoạt động khai thác thủy sản tại vùng biển ven bờ, vùng nội địa

trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành kèm theo Quyết định số 36/2023/QĐ-UBND ngày 27 tháng 7 năm 2023 của Ủyban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là UBND thành phố Huế).

Mẫu số 10.ĐKT- Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

TỜ KHAI XÓA ĐĂNG KÝ TÀU CÁ

Kính gửi:(1)

Đề nghị xóa đăng ký tàu cá với các thông số dưới đây kể từ ngày

...../...../20.....

Kindly deregister the with the following particulars from date

.....

Tên(2)..... Hồ hiệu/số IMO:

Name

Call sign/IMO number

Chủ sở hữu (tên, địa chỉ và tỉ lệ sở hữu):

Shipowner (name, address and ratio of ownership)

Người đề nghị xóa đăng ký (tên, địa chỉ):

Applicant (name, address)

Nơi đăng ký:

Place of registry

Số đăng ký:; Ngày đăng ký:

Number of registration

Date of registration

Cơ quan đăng ký:

The Registrar of ship

Lý do xin xóa đăng ký

Reasons to deregister

Date....., ngày ... tháng ... năm...

XÁC NHẬN CỦA UBND CẤP XÃ

CHỦ SỞ HỮU

Owner

Ghi chú (Note):

(1) Tên cơ quan đăng ký The ship Registration office

Type of transport facility registration/registry (vessel, public service ship)

(2) Tên phương tiện Name of transport facility

(2) *Tên tàu*
Name of transport facility

2. Tên thủ tục: Cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá

Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ theo hướng dẫn và nộp hồ sơ tại bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố;

- Bước 2: Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ, đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ; yêu cầu bổ sung, hoàn thiện nếu hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ. Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố chuyển hồ sơ cho Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã giải quyết.

- Bước 3: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định, Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã có trách nhiệm làm thủ tục đăng ký, vào sổ đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản và cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản theo Mẫu số 05.ĐKT Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT và cấp Sổ danh bạ thuyền viên tàu cá theo Mẫu số 05 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 05/2025/TT-BNNMT; Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản cơ quan có thẩm quyền trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

- Bước 4: Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố trả kết quả tổ chức, cá nhân.

Địa chỉ tiếp nhận và trả kết quả: Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố.

Thời gian tiếp nhận và trả kết quả: Buổi sáng từ 8h00 đến 11h00, buổi chiều từ 13h30 đến 16h30 các ngày từ thứ Hai đến thứ Sáu và sáng thứ Bảy hàng tuần (trừ các ngày Lễ, ngày nghỉ theo quy định).

Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố.

- Nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (<https://dichvucong.gov.vn>)

Thành phần, số lượng hồ sơ: Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ, bao gồm:

1) Hồ sơ đối với tàu đóng mới gồm:

a) Tờ khai đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản theo Mẫu số 02.ĐKT Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT;

b) Bản chính Giấy chứng nhận xuất xưởng do chủ cơ sở đóng tàu cấp theo Mẫu số 03.ĐKT Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT;

c) Bản chính văn bản chấp thuận đóng mới đối với tàu cá hoặc văn bản phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền đối với tàu công vụ thủy sản;

d) Bản chính biên lai nộp thuế trước bạ của tàu hoặc bản chính Tờ khai lệ phí trước bạ của tàu có xác nhận của cơ quan thuế;

đ) Ảnh màu (9 x 12 cm, chụp toàn tàu theo hướng 2 bên mạn tàu);

e) Bản sao chụp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật của tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 12 mét trở lên.

2) Hồ sơ đối với tàu cải hoán gồm:

a) Tờ khai đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản theo Mẫu số 02.ĐKT Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT;

b) Bản chính biên lai nộp thuế trước bạ của tàu hoặc bản chính Tờ khai lệ phí trước bạ của tàu có xác nhận của cơ quan thuế;

c) Ảnh màu (9 x 12 cm, chụp toàn tàu theo hướng 2 bên mạn tàu);

d) Bản sao chụp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật của tàu (đối với tàu có chiều dài lớn nhất từ 12 mét trở lên).

đ) Bản chính Giấy chứng nhận cải hoán, sửa chữa tàu theo Mẫu số 04.ĐKT Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT;

e) Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký cũ;

g) Văn bản chấp thuận cải hoán của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

3) Hồ sơ đối với tàu được mua bán, tặng cho gồm:

a) Tờ khai đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản theo Mẫu số 02.ĐKT Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT;

b) Bản chính biên lai nộp thuế trước bạ của tàu hoặc bản chính Tờ khai lệ phí trước bạ của tàu có xác nhận của cơ quan thuế;

c) Ảnh màu (9 x 12 cm, chụp toàn tàu theo hướng 2 bên mạn tàu);

d) Bản sao chụp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật của tàu (đối với tàu có chiều dài lớn nhất từ 12 mét trở lên).

đ) Bản chính Giấy tờ chuyển nhượng quyền sở hữu tàu theo quy định;

e) Văn bản chấp thuận mua, bán tàu cá của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, trừ trường hợp tàu cá mua bán trong tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

g) Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá cũ kèm theo hồ sơ đăng ký gốc của tàu;

h) Bản chính Giấy chứng nhận xóa đăng ký.

4) Hồ sơ đối với tàu nhập khẩu gồm:

a) Tờ khai đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản theo Mẫu số 02.ĐKT Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT;

b) Bản chính biên lai nộp thuế trước bạ của tàu hoặc bản chính Tờ khai lệ phí trước bạ của tàu có xác nhận của cơ quan thuế;

c) Ảnh màu (9 x 12 cm, chụp toàn tàu theo hướng 2 bên mạn tàu);

d) Bản sao chụp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật của tàu (đối với tàu có chiều dài lớn nhất từ 12 mét trở lên).

đ) Bản sao có chứng thực văn bản cho phép nhập khẩu tàu cá của cơ quan có thẩm quyền;

e) Bản chính Giấy chứng nhận xóa đăng ký kèm theo bản sao có chứng thực bản dịch tiếng Việt đối với tàu cá đã qua sử dụng;

g) Bản sao có chứng thực Tờ khai Hải quan có xác nhận đã hoàn thành thủ tục hải quan;

h) Bản sao có chứng thực Biên lai nộp các khoản thuế theo quy định của pháp luật Việt Nam.

5) Hồ sơ đối với tàu thuộc diện thuê tàu trần gồm:

a) Tờ khai đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản theo Mẫu số 02.ĐKT Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT;

b) Ảnh màu (9 x 12 cm, chụp toàn tàu theo hướng 2 bên mạn tàu);

c) Bản sao chụp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật của tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 12 mét trở lên.

d) Bản chính Giấy chứng nhận xóa đăng ký kèm theo bản sao có chứng thực bản dịch tiếng Việt đối với tàu cá, tàu công vụ thủy sản đã qua sử dụng;

đ) Bản sao có chứng thực Tờ khai hải quan có xác nhận đã hoàn thành thủ tục hải quan;

e) Bản sao có chứng thực biên lai nộp các khoản thuế theo quy định của pháp luật Việt Nam.

g) Bản chính văn bản chấp thuận cho thuê tàu trần do cơ quan nhà nước Việt Nam có thẩm quyền cấp;

h) Bản chính hợp đồng thuê tàu trần.

Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định.

Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân đề nghị.

Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND cấp xã

Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã.

Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản theo Mẫu số 05.ĐKT Phụ lục XVI Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT; Sổ danh bạ thuyền viên tàu cá theo Mẫu số 05 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 05/2025/TT-BNNMT.

Phí, lệ phí (nếu có): Chưa có văn bản quy định.

Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Tờ khai đăng ký tàu cá theo Mẫu số 02.ĐKT Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT.

Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

Khoản 3 Điều 71 Luật Thủy sản quy định:

3. Tàu cá được cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Có giấy tờ chứng minh về sở hữu hợp pháp tàu cá;

- b) Có Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá đối với tàu cá quy định phải đăng kiểm;
- c) Có giấy chứng nhận tạm ngừng đăng ký tàu cá đối với trường hợp thuê tàu trần; giấy chứng nhận xóa đăng ký tàu cá đối với trường hợp nhập khẩu, mua bán, tặng cho hoặc chuyển tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- d) Chủ tàu cá có trụ sở hoặc nơi đăng ký thường trú tại Việt Nam.

Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Thủy sản năm 2017;
- Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về đăng kiểm viên tàu cá; công nhận cơ sở đăng kiểm tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật tàu cá, tàu kiểm ngư; đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản; xóa đăng ký tàu cá và đánh dấu tàu cá;
- Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực thủy sản;
- Thông tư số 05/2025/TT-BNNMT ngày 02/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực khai thác thủy sản.
- Quyết định số 2310/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025 của của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính lĩnh vực thủy sản được sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Quyết định số 67/2025/QĐ-UBND ngày 06/8/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định phân cấp quản lý tàu cá có chiều dài lớn nhất dưới 12 mét hoạt động khai thác thủy sản tại vùng biển ven bờ, vùng nội địa trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành kèm theo Quyết định số 36/2023/QĐ-UBND ngày 27 tháng 7 năm 2023 của Ủyban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là UBND thành phố Huế)

Mẫu số 02.ĐKT (Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT)
MẪU TỜ KHAI ĐĂNG KÝ TÀU CÁ, TÀU CÔNG VỤ THỦY SẢN
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ TÀU CÁ/ TÀU CÔNG VỤ THỦY SẢN^(*)

Kính gửi:

Họ tên người đứng khai:.....

Thường trú tại:

Số CCCD/CMND:.....

Đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá/tàu công vụ thủy sản^(*) với nội dung sau:

1. Đặc điểm cơ bản của tàu như sau:

Tên tàu:; Công dụng (nghề):.....

Năm, nơi đóng:

Cảng đăng ký:

Thông số cơ bản của tàu (m): L_{max} =.....; B_{max} =.....; D =.....

L_{tk} =.....; B_{tk} ...=.....; d =.....

Vật liệu vỏ:; Tổng dung tích (GT):

Trọng tải toàn phần, (DW):Số thuyền viên, người.....

Nghề chính:Nghề phụ:.....

Vùng hoạt động:.....

Máy chính:

TT	Ký hiệu máy	Số máy	Công suất định mức, kW	Vòng quay định mức, rpm	Ghi chú

2. Họ tên, địa chỉ của từng chủ sở hữu (Nếu tàu thuộc sở hữu nhiều chủ):

TT	Họ và tên	Địa chỉ	Chứng minh nhân dân/căn cước công dân

Tôi xin cam đoan sử dụng tàu đúng nội dung đã đăng ký và chấp hành đúng các quy định của pháp luật Nhà nước.

ĐẠI DIỆN CHỦ TÀU

Ghi chú: () Gạch hoặc xóa bỏ chỗ không phù hợp.*

Mẫu số 03.ĐKT (Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT)

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN XUẤT XỨ

CƠ SỞ ĐÓNG TÀU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /GCNXX

....., ngày... tháng ... năm 20..

GIẤY CHỨNG NHÂN XUẤT XỨ

Tên sản phẩm:.....

Nơi đóng:.....

Đĩa chi:.....

Năm đóng:.....

Ký hiệu thiết kế:.....

Đơn vị thiết kế thiết kế:.....

Cơ sở đăng kiểm:

Thông số cơ bản của tàu: Lmax=.....; Bmax=.....; D=.....

Ltk =.....; Btk...=.....; d=.....

Vật liệu vỏ:.....; cấp tàu:.....

Công dụng (nghề):

Máy chính:

TT	Ký hiệu máy	Số máy	Công suất (kW)	Năm chế tạo	Nơi chế tạo

Đã hoàn thành việc đóng mới, đủ điều kiện xuất xưởng./.

CƠ SỞ ĐÓNG TÀU

Mẫu số 04.ĐKT (Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT)

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN CẢI HOÁN, SỬA CHỮA TÀU

CƠ SỞ ĐÓNG TÀU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /GCNXX

....., ngày...tháng...năm...

GIẤY CHỨNG NHẬN CẢI HOÁN, SỬA CHỮA TÀU

Tên sản phẩm:.....

Nơi cải hoán, sửa chữa:.....

Địa chỉ:.....

Thời gian thực hiện: từ ngày ... tháng ... năm.. đến ngày ... tháng ...năm...

Ký hiệu thiết kế:.....

Đơn vị thiết kế:.....

Cơ sở đăng kiểm phê duyệt thiết kế:

Thông số cơ bản trước cải hoán/sửa chữa (m):

Lmax=.....; Bmax=.....;

D=..... Ltk =.....; Btk...=.....; d=.....

Vật liệu vỏ:....., Cấp tàu:.....

Công dụng (nghề):

Máy chính:

TT	Ký hiệu máy	Số máy	Công suất (kW)	Năm chế tạo	Nơi chế tạo

Thông số cơ bản sau cải hoán/ sửa chữa (m):

Lmax=.....; Bmax=.....;

D=..... Ltk =.....; Btk...=.....; d=.....

Vật liệu vỏ:....., Cấp tàu:.....

Công dụng (nghề):

Máy chính:

TT	Ký hiệu máy	Số máy	Công suất (kW)	Năm chế tạo	Nơi chế tạo

Đã hoàn thành việc cải hoán/ sửa chữa, đủ điều kiện xuất xưởng./.

CƠ SỞ ĐÓNG TÀU

Mẫu số 05.ĐKT (Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT)
MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ TÀU CÁ/TÀU CÔNG VỤ THỦY SẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom - Happiness



N⁰

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ
TÀU CÁ/TÀU CÔNG VỤ THỦY SẢN(*)

REGISTRATION CERTIFICATE OF FISHING VESSEL/SHIPS DUTY
FISHERIES(*)

.....(**).....

Chứng nhận tàu cá/tàu công vụ thủy sản(*) có các thông số dưới đây đã được đăng ký
vào Sổ Đăng ký tàu cá Việt Nam:

Hereby certifies that the fishing vessel/ship duty fisheries() with the following
specifications has been registered into The Vietnam National Vessel Registration Book:*

Tên tàu:	Hồ hiệu:	
<i>Name of Vessel</i>	<i>Signal Letters</i>	
Chủ tàu:	Nơi thường trú:	
<i>Vessel owner</i>	<i>Residential Address</i>	
Kiểu tàu:	Công dụng (nghề):	
<i>Type of Vessel</i>	<i>Used for (fishing gear)</i>	
Tổng dung tích, GT:	Trọng tải toàn phần: tấn	
<i>Gross Tonnage</i>	<i>Dead weight</i>	
Chiều dài L _{max} , m:	Chiều rộng B _{max} , m:	
<i>Length overal</i>	<i>Breadth overal</i>	
Chiều dài thiết kế L _{tk} , m:	Chiều rộng thiết kế B _{tk} , m:	
<i>Length</i>	<i>Breadth</i>	
Chiều cao mạn D, m:	Chiều chìm d, m:	
<i>Draught</i>	<i>Depth</i>	
Vật liệu vỏ:	Tốc độ tự do hl/h:	
<i>Materials</i>	<i>Speed</i>	
Năm và nơi đóng:		
<i>Year and Place of Build</i>		
Số lượng máy:	Tổng công suất (kW):	
<i>Number of Engines</i>	<i>Total power</i>	
Ký hiệu máy	Công suất	Năm và nơi chế tạo
<i>Type of machine</i>	(kW)	<i>Year and place of</i>
Số máy	Power	<i>manufacture</i>
<i>Number engines</i>		

.....

Cảng đăng ký:

Port Registry

Số đăng ký:

Number or registry

Giấy chứng nhận này có hiệu lực

đến^(**):

This certificate is valid until

Cơ sở đăng kiểm tàu cá:

Register of Vessels

Cấp tại ..., ngàytháng...năm.....

Issued at... Date

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN ĐĂNG KÝ TÀU

THÔNG TIN VỀ CHỦ SỞ HỮU TÀU^(*)**

TTT	Họ và tên	Địa chỉ	Chứng minh nhân dân/căn cước công dân	Tỷ lệ cổ phần (%)

Ghi chú (note):

() Xóa bỏ chỗ không phù hợp (Remove the wrong place).*

*(**) Cơ quan quản lý thủy sản của tỉnh (the provincial fisheries management agency); Cơ quan quản lý thủy sản trung ương là Cục Thủy sản và Kiểm ngư (the central fisheries management agency is the Directorate of Fisheries).*

*(***) Ghi thời hạn theo thời hạn thuê tàu trần đối với trường hợp thuê tàu trần, không thời hạn đối với các trường hợp khác.*

*(****) Đối với trường hợp tàu thuộc sở hữu nhiều chủ.*

Mẫu số 05 (Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 05/2025/TT-BNNMT)

MẪU SỔ DANH BẠ THUYỀN VIÊN

SỔ DANH BẠ THUYỀN VIÊN TÀU CÁ

1. Mặt ngoài của trang bìa

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



**SỔ DANH BẠ
THUYỀN VIÊN TÀU CÁ**

Số đăng ký:

Chủ tàu:.....

Số sổ:.....

Năm.....

Quy cách sổ:

- Kích thước: A5 (14,8 x 21) cm;
- Bìa nền màu đỏ, các trang nền màu trắng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



SỔ DANH BẠ
THUYỀN VIÊN TÀU CÁ

Số đăng ký:

Chiều dài tàu:

Nơi đăng ký:

Chủ tàu cá:; Điện thoại:

Ngày tháng năm sinh:; Số định danh cá nhân:

Nơi thường trú:.....

Sổ danh bạ này gồm 120 trang,

được đánh số thứ tự từ 01 đến 120

.....Ngày tháng.....năm.....

.....
(Ký tên, đóng dấu)

Năm.....

DANH SÁCH ĐĂNG KÝ THUYỀN VIÊN TÀU CÁ

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số định danh cá nhân	Chức danh	Số văn bằng/ chứng chỉ	Ghi chú
1						
2						
3						
4						
5						
6						
...						
...						

CHỦ TÀU/THUYỀN TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ tên)

..... Ngày tháng năm
XÁC NHẬN CỦA
(Ký tên, đóng dấu)

4. Trang 3 đến trang 18

THAY ĐỔI, BỔ SUNG DANH SÁCH THUYỀN VIÊN TÀU CÁ

TT	Thuyền viên được thay		Thuyền viên mới				Ghi chú
	Họ và tên	Chức danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số định danh cá nhân	Số văn bằng, chứng chỉ	
1							
2							
3							
4							
5							
6							
.....							
....							

CHỦ TÀU/THUYỀN TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ tên)

.....Ngày tháng.....năm.....
XÁC NHẬN CỦA BỘ ĐỘI BIÊN PHÒNG
(Ký tên, đóng dấu)

5. Trang 19 đến trang 120:

CHỨNG THỰC CỦA CƠ QUAN KIỂM TRA, KIỂM SOÁT

Rời cảng	Xuất bến
Kiểm tra, kiểm soát của Tổ chức quản lý cảng cá: Ngày..... tháng năm Nội dung:..... Nhận xét: Tổ chức quản lý cảng cá (Ký, đóng dấu)	Kiểm tra, kiểm soát của Trạm kiểm soát Biên phòng: Ngày..... tháng năm Gồm:.....người (...Nam,...Nữ) Nhận xét: Trạm Kiểm soát Biên phòng (Ký, đóng dấu)
Cấp cảng	Nhập bến
Kiểm tra, kiểm soát của Tổ chức quản lý cảng cá: Ngày..... tháng năm Nội dung:..... Nhận xét: Tổ chức quản lý cảng cá (Ký, đóng dấu)	Kiểm tra, kiểm soát của Trạm kiểm soát Biên phòng: Ngày..... tháng năm Gồm:.....người (...Nam,...Nữ) Nhận xét: Trạm Kiểm soát Biên phòng (Ký, đóng dấu)

3. Tên thủ tục : Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá

Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ theo hướng dẫn và nộp hồ sơ tại bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố;

- Bước 2: Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ, đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ; yêu cầu bổ sung, hoàn thiện nếu hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ. Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố chuyển hồ sơ cho Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã giải quyết.

- Bước 3: Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng: Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã xem xét tính đầy đủ, nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã có văn bản thông báo rõ cho tổ chức, cá nhân bổ sung; Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định, Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá. Trường hợp không cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá, Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Bước 4: Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố trả kết quả tổ chức, cá nhân.

Địa chỉ tiếp nhận và trả kết quả: Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố.

Thời gian tiếp nhận và trả kết quả: Buổi sáng từ 8h00 đến 11h00, buổi chiều từ 13h30 đến 16h30 các ngày từ thứ Hai đến thứ Sáu và sáng thứ Bảy hàng tuần (trừ các ngày Lễ, ngày nghỉ theo quy định).

Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố.

- Nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (<https://dichvucong.gov.vn>)

Thành phần, số lượng hồ sơ: Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ, bao gồm:

a) Tờ khai đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá theo Mẫu số 07.ĐKT Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT;

b) Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá hoặc Giấy xác nhận đã đăng ký, trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá bị mất, chủ tàu phải khai báo và nêu rõ lý do;

c) Ảnh màu (9 x 12 cm, chụp toàn tàu theo hướng 2 bên mạn tàu).

Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định.

Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân đề nghị.

Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND cấp xã.

Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã

Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá theo Mẫu số 05.ĐKT Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT- BNNPTNT.

Phí, lệ phí (nếu có): Chưa có văn bản quy định.

Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Tờ khai đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá theo Mẫu số 07.ĐKT Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT.

Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không có

Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Thủy sản năm 2017;
- Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về đăng kiểm viên tàu cá; công nhận cơ sở đăng kiểm tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật tàu cá, tàu kiểm ngư; đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản; xóa đăng ký tàu cá và đánh dấu tàu cá;
- Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực thủy sản;
- Quyết định số 839/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hoá thủ tục hành chính lĩnh vực thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Quyết định số 67/2025/QĐ-UBND ngày 06/8/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định phân cấp quản lý tàu cá có chiều dài lớn nhất dưới 12 mét hoạt động khai thác thủy sản tại vùng biển ven bờ, vùng nội địa trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành kèm theo Quyết định số 36/2023/QĐ-UBND ngày 27 tháng 7 năm 2023 của Ủyban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là UBND thành phố Huế)

Mẫu số 07.ĐKT-Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT
MẪU TỜ KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI
GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ TÀU CÁ/TÀU CÔNG VỤ THỦY SẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

TỜ KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ
TÀU CÁ/TÀU CÔNG VỤ THỦY SẢN^(*)

Kính gửi:

Họ tên người khai:.....

Thường trú tại:

Số CCCD/CMND:.....

Đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá/tàu công vụ thủy sản^(*) với nội dung sau:

1. Đặc điểm cơ bản của tàu:

Tên tàu:; Số đăng ký:.....

Năm, nơi đóng:.....

Nơi đăng ký:.....

Thông số cơ bản của tàu: Lmax=.....; Bmax=.....; D=.....

Ltk =.....; Btk...=.....; d=.....

Vật liệu vỏ:; Tổng dung tích (GT):

Trọng tải toàn phần, tấn:Số thuyền viên, người.....

Nghề chính:Nghề kiêm:.....

Vùng hoạt động:.....

Máy chính:

TT	Ký hiệu máy	Số máy	Công suất định mức, kW	Vòng quay định mức, rpm	Ghi chú

2. Họ tên, địa chỉ của từng chủ sở hữu (Nếu tàu thuộc sở hữu nhiều chủ):

TT	Họ và tên	Địa chỉ	Chứng minh nhân dân/ Căn cước công dân	Giá trị cổ phần

3. Lý do đề nghị cấp lại:

Tôi xin cam đoan những nội dung nêu trên là đúng sự thật.

XÁC NHẬN CỦA UBND CẤP XÃ ()**

ĐẠI DIỆN CHỦ TÀU

Ghi chú: () Gạch hoặc xóa bỏ chỗ không phù hợp*

*(**) Không áp dụng đối với tàu công vụ thủy sản*

**MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ TÀU CÁ/TÀU CÔNG VỤ THỦY SẢN
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness



N⁰

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ TÀU
CÁ/TÀU CÔNG VỤ THỦY SẢN^(*)**

**REGISTRATION CERTIFICATE OF FISHING VESSEL/SHIPS DUTY
FISHERIES^(*)**

.....(**).....

Chúng nhận tàu cá/tàu công vụ thủy sản^(*) có các thông số dưới đây đã được đăng ký vào Sổ Đăng ký tàu cá Việt Nam:

Hereby certifies that the fishing vessel/ship duty fisheries^() with the following specifications has been registered into The Vietnam National Vessel Registration Book:*

Tên tàu: <i>Name of Vessel</i>	Hô hiệu: <i>Signal</i>
Chủ tàu: <i>Vessel owner</i>	Nơi thường trú: <i>Residential Address</i>
Kiểu tàu: <i>Type of Vessel</i>	Công dụng (nghề): <i>Used for (fishing gear)</i>
Tổng dung tích, GT: <i>Gross Tonnage</i>	Trọng tải toàn phần: tấn <i>Dead weight</i>
Chiều dài L _{max} , m: <i>Length overal</i>	Chiều rộng B _{max} , m: <i>Breadth overal</i>
Chiều dài thiết kế L _{tk} , m: <i>Length</i>	Chiều rộng thiết kế B _{tk} , m: <i>Breadth</i>
Chiều cao mạn D, m: <i>Draught</i>	Chiều chìm d, m: <i>Depth</i>
Vật liệu vỏ: <i>Materials</i>	Tốc độ tự do hl/h: <i>Speed</i>
Năm và nơi đóng: <i>Year and Place of Build</i>	
Số lượng máy: <i>Number of Engines</i>	Tổng công suất (kW): <i>Total power</i>
Ký hiệu máy <i>Type of machine</i>	Số máy <i>Number engines</i>
	Công suất (kW) <i>Power</i>
	Năm và nơi chế tạo <i>Year and place of manufacture</i>
Cảng đăng ký: <i>Port Registry</i>	Cơ sở đăng kiểm tàu cá: <i>Register of Vessels</i>

Số đăng ký:

Number or registry

*Giấy chứng nhận này có hiệu lực
đến^(**):*

This certificate is valid until

Cấp tại ..., ngàytháng...năm.....

Issued at... Date

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN ĐĂNG KÝ TÀU

THÔNG TIN VỀ CHỦ SỞ HỮU TÀU^(*)**

TTT	Họ và tên	Địa chỉ	Chứng minh nhân dân/căn cước công dân	Tỷ lệ cổ phần (%)

Ghi chú

(note):

() Xóa bỏ chỗ không phù hợp (Remove the wrong place).*

*(**) Cơ quan quản lý thủy sản của tỉnh (the provincial fisheries management agency); Cơ quan quản lý thủy sản trung ương là Tổng cục Thủy sản (the central fisheries management agency is the Directorate of Fisheries).*

*(***) Ghi thời hạn theo thời hạn thuê tàu trần đối với trường hợp thuê tàu trần, không thời hạn đối với các trường hợp khác.*

*(****) Đối với trường hợp tàu thuộc sở hữu nhiều chủ.*

4. Tên thủ tục: Cấp, cấp lại giấy phép khai thác thủy sản

Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ theo hướng dẫn và nộp hồ sơ tại bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố;

- Bước 2: Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ, đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ; yêu cầu bổ sung, hoàn thiện nếu hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ. Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố chuyển hồ sơ cho Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã giải quyết.

- Bước 3: Trong thời hạn 06 ngày làm việc (đối với cấp mới), 03 ngày làm việc (đối với cấp lại) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã thực hiện cấp, cấp lại Giấy phép khai thác thủy sản theo Mẫu số 22 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 37/2024/NĐ-CP; trong trường hợp không cấp, cấp lại cơ quan có thẩm quyền trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Bước 4: Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố trả kết quả tổ chức, cá nhân.

Địa chỉ tiếp nhận và trả kết quả: Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố.

Thời gian tiếp nhận và trả kết quả: Buổi sáng từ 8h00 đến 11h00, buổi chiều từ 13h30 đến 16h30 các ngày từ thứ Hai đến thứ Sáu và sáng thứ Bảy hàng tuần (trừ các ngày Lễ, ngày nghỉ theo quy định).

Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố.

- Nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (<https://dichvucong.gov.vn>)

Thành phần, số lượng hồ sơ: Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ, bao gồm:

a) Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác thủy sản bao gồm:

- Đơn đề nghị theo Mẫu số 21 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 37/2024/NĐ-CP;

- Bản chụp văn bằng hoặc chứng chỉ thuyền trưởng, máy trưởng tàu cá đối với loại tàu cá theo quy định phải có văn bằng hoặc chứng chỉ thuyền trưởng, máy trưởng tàu cá.

b) Hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép khai thác thủy sản:

- Đơn đề nghị cấp lại theo Mẫu số 03.KT Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP;

- Bản chính giấy phép khai thác thủy sản đã được cấp, trong trường hợp thay đổi thông tin trong giấy phép.

Thời hạn giải quyết: 06 ngày làm việc (đối với cấp mới), 03 ngày làm việc (đối với cấp lại), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ

Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân đề nghị.

Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND cấp xã

Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã

Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép khai thác thủy sản theo Mẫu số 22 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 37/2024/NĐ-CP.

Thời hạn của Giấy phép khai thác thủy sản cấp lần đầu: Không quá thời hạn còn lại của hạn ngạch giấy phép khai thác thủy sản đã được công bố.

Phí, lệ phí (nếu có): Lệ phí cấp mới 40.000đồng/lần; lệ phí cấp lại 20.000 đồng/lần.

Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác thủy sản:

- Đơn đề nghị theo Mẫu số 21 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 37/2024/NĐ-CP;

Hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép khai thác thủy sản:

- Đơn đề nghị cấp lại theo Mẫu số 03.KT Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP;

Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không có

Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Thủy sản năm 2017;

- Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản;

- Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản;

- Thông tư số 94/2021/TT-BTC ngày 02/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí đăng kiểm an toàn kỹ thuật tàu cá, kiểm định trang thiết bị nghề cá; phí thẩm định xác nhận nguồn gốc nguyên liệu thủy sản; phí thẩm định kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thủy sản; lệ phí cấp giấy phép khai thác, hoạt động thủy sản.

- Quyết định số 839/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hoá thủ tục hành chính lĩnh vực thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

- Quyết định số 67/2025/QĐ-UBND ngày 06/8/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định phân cấp quản lý tàu cá có chiều dài lớn nhất dưới 12 mét hoạt động khai thác thủy sản tại vùng biển ven bờ, vùng nội địa trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành kèm theo Quyết định số 36/2023/QĐ-UBND ngày 27 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là UBND thành phố Huế)

Mẫu số 21 (Phụ lục I - Nghị định số 37/2024/NĐ-CP)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngàytháng.....năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP KHAI THÁC THUỶ SẢN

Kính gửi:.....

Họ, tên chủ tàuĐiện thoại:

Số chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Mã số định danh cá nhân:.....

.....

Nơi thường trú:

Đề nghị Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp Giấy phép khai thác thủy sản với nội dung như sau:

Tên tàu: Loại tàu.....

Số đăng ký tàu:

Vùng hoạt động.....

Văn bản chấp thuận đóng mới/cải hoán/thuê/mua tàu cá:.....

.....

Trang thiết bị thông tin liên lạc:

Thiết bị giám sát hành trình (đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét trở lên):.....

Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá:.....

Cảng cá đăng ký cập tàu:

Nghề khai thác chính:Nghề phụ:

Tôi/chúng tôi xin cam đoan sử dụng tàu để đánh bắt nguồn lợi thủy sản/hậu cần đánh bắt nguồn lợi thủy sản đúng nội dung đã đăng ký và chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

NGƯỜI ĐỀ NGHỊ

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

Mẫu số 03.KT (Phụ lục IV - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP)
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP LẠI GIẤY PHÉP KHAI THÁC THỦY SẢN

Kính gửi:.....

Tên chủ tàu:.....Điện thoại:.....

Nơi thường trú:

Số chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/mã số định danh cá nhân:.....

Tôi đã được cấp Giấy phép khai thác thủy sản số:...../20.../AA-GPKTTS; cấp ngày. tháng năm; hết thời hạn ngày tháng năm

Đề nghị cấp lại Giấy phép khai thác thủy sản với lý do (nêu rõ lý do đề nghị cấp lại và gửi kèm theo các giấy tờ chứng minh sự thay đổi thông tin):

.....
.....
.....

Đề nghị cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp lại Giấy phép khai thác thủy sản để tôi tiếp tục hoạt động khai thác thủy sản.

Tôi xin cam đoan sử dụng tàu để khai thác thủy sản đúng nội dung được ghi trong giấy phép và chấp hành đúng các quy định của pháp luật./.

NGƯỜI ĐỀ NGHỊ

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM



**GIẤY PHÉP
KHAI THÁC THỦY SẢN**

Số:/20.../AA(*)-GPKTTS

Tên tàu (nếu có):

Số đăng ký:

Mặt trước của giấy phép

CƠ QUAN CẤP TRÊN TRỰC TIẾP
CƠ QUAN CẤP PHÉP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY PHÉP KHAI THÁC THỦY SẢN
Số:...../20../AA(*)-GPKTTS

Căn cứ Luật Thủy sản năm 2017;

Căn cứ Nghị định sốngày...tháng....năm ...

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP PHÉP

Tên chủ tàu:..... Địa
chỉ thường trú: Điện
thoại (nếu có): Số đăng ký
tàu cá: Cảng cá đăng ký
cấp tàu: Sản lượng được phép
khai thác:..... tấn/năm (nếu có).

**Được phép đánh bắt nguồn lợi thủy sản/hậu cần đánh bắt nguồn lợi thủy
sản(**):**

Nghề chính:.....Vùng hoạt động:... ..
Nghề phụ:.....Vùng hoạt động:..... Thời
hạn của Giấy phép đến hết ngày tháng năm

....., ngày tháng năm ...
NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN (Ký
tên, đóng dấu)

Ghi chú:

(*) Là 2 chữ cái đầu của tên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

(**) Trường hợp cấp phép cho tàu đánh bắt nguồn lợi thủy sản thì xóa bỏ nội dung hậu cần đánh bắt nguồn lợi thủy sản; trường hợp cấp phép cho tàu hậu cần đánh bắt nguồn lợi thủy sản thì xóa bỏ nội dung đánh bắt nguồn lợi thủy sản.